

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT

Ngày: 22/4/2021.

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Dung;

Ông Quách Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Trịnh Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 16/2020/TLPT-KDTM ngày 23/01/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐ-PT ngày 06/01/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần BDLV.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PDS - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LTD - Giám đốc ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh Thanh Hóa (có mặt).

Địa chỉ: Số 01 A đường NH, Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH.

Địa chỉ: Khu phố Trung Chính, phường QC, thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà LTT - Giám đốc Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trọng Thị Thu Hương - Công ty luật Hương Việt và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông NHH, 1968 và bà LTT, 1968;

Địa chỉ: Khu phố Trung Chính, phường QC, thành phố Sầm Sơn.

3.2. Ông LDK và bà LTN;

Địa chỉ: Khu phố Thọ Phú, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn.

3.3. Bà LTV.

Địa chỉ: Khu phố Châu An, phường QC, thành phố Sầm Sơn.

Tại phiên tòa: Có mặt đại diện Ngân hàng LTT mại Cổ phần BDLV - Chi nhánh Thanh Hóa và ông NHH; vắng mặt những người còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2017 11/3/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng LTT mại cổ phần BDLV(sau đây gọi tắt là Ngân hàngBDLV) trình bày:**

Ngân hàng BDLV cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH (sau đây gọi tắt là công ty VH) vay vốn theo các Hợp đồng tín dụng (sau đây gọi tắt là HĐTD) cụ thể như sau:

+ HĐTD hạn mức số 42011/166/KHDN/HĐTDHM, ngày 25/8/2011, số tiền vay 800.000.000đ. Tại Phụ lục HĐTD hạn mức số 01PL-42011/166/KHDN/HĐTDHM ngày 29/9/2011 tăng vốn vay lên 1.000.000.000đ, thời hạn hợp đồng và thời hạn nhận nợ giữ nguyên theo HĐTD số 42011/166/KHDN/HĐTDHM ngày 25/8/2011.

+ HĐTD trung hạn số 42012/166/KHDN-HĐTDMON, ngày 27/4/2012, số tiền vay 945.000.000đ, mục đích mua xe ô tô CRV, với 03 tài sản đảm bảo là G617644, G438533, và xe HONDA CRV, đến ngày 27/5/2013 Công ty VH đã bán xe CRV để trả nợ xong hợp đồng này còn lại 02 tài sản đảm bảo là G617644, G438533 thì lưu lại để đảm bảo cho HĐTD số 42012/166 ngắn hạn.

Ngày 01/8/2012 khi gần đến thời hạn hết hạn của HĐTD hạn mức số 42011/166/KHDN/HĐTDHM ngày 25/8/2011, Công ty VH đề nghị Ngân hàng BDLV tái cấp vốn tăng hạn mức vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất chế biến, kinh doanh bột cá.

Sau khi thẩm định, Ngân hàng đã đồng ý tái cấp và tăng hạn mức tín dụng cho Công ty VH theo HĐTD hạn mức số 42012/166/KHDN/HĐHMTD ngày 11/9/2012, số tiền vay hạn mức 2.000.000.000đ, (đây là hợp đồng thay thế cho các hợp đồng nêu trên để nâng hạn mức tín dụng), mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bột cá, thời hạn vay 12 tháng, mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 5 tháng, lãi xuất cho vay trong hạn theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, lãi xuất quá hạn bằng 150%

lãi trong hạn theo từng thời điểm của khế ước nhận nợ, phương thức trả nợ gốc cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ, QSH nhà) số BE 102714 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 cho ông NHH;

2. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số BE 102716 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 23/8/2011 cho ông NHH;

3. Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số BE 102715 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 cho ông LDK và bà NTN;

4. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số BG 482232 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH;

5. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà BG số 482737 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 19/7/2011 cho ông NHH và bà LTT;

6. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số BH 788486 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 05/9/2011 cho ông NHH;

7. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số BG 482175 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH;

8. Quyền sử dụng đất tại thôn Xuân Phương, xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số G 617644 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH.

9. Quyền sử dụng đất tại thôn Châu An, xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ, QSH nhà số G 438533 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 30/8/1995 cho bà LTV.

Quá trình thực hiện, Công ty VH đã thanh toán xong HĐTD số 42011/166/KHDN/HĐTDHM ngày 25/8/2011 và HĐTD số 42012/166/KHDN-HĐTDMON ngày 27/4/2012, chỉ còn HĐTD số 42012/166/KHDN/HĐHMTD, ngày 11/9/2012 chưa thanh toán hết.

Tổng số lần giải ngân của HĐTD số 42012/166/ KHDN/HĐHMTD ngày 11/9/2012 là 09 lần, 03 lần giải ngân đầu thì Công ty VH trả hết nợ, từ lần giải ngân thứ 4 đến lần giải ngân thứ 9 thì nợ lại tổng số tiền là 1.502.143.504đ, từ ngày 29/6/2013 là ngày đến hạn trả nợ của khế ước số 04 nhưng Công ty VH không trả hết nợ gốc nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá

hạn, mức tính lãi quá hạn tính từ ngày đến hạn trả nợ theo từng khế ước nhận nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm 14/10/2020 như sau:

+ Khế ước nhận nợ số 04, ngày giải ngân 29/01/2013, ngày đến hạn trả nợ 29/6/2013, số tiền giải ngân ban đầu là 105.000.000đ, nợ gốc còn lại là 60.143.504 đ (ngày 31/7/2013 trả gốc 16.464.123đ, ngày 12/8/2013 trả gốc 28.392.373đ), số ngày quá hạn 2.664 ngày trên nợ gốc còn lại là 60.143.504đ, tiền lãi quá hạn là 95.202.155đ, lãi trong hạn là 1.480.208đ, Công ty VH đã trả hết lãi trong hạn 1.480.208đ và 37.870đ lãi quá hạn, vì vậy số nợ lãi trong hạn là 0đ, số tiền nợ lãi quá hạn còn lại là 95.164.285đ.

+ Khế ước nhận nợ số 05, ngày giải ngân 30/01/2013, ngày đến hạn trả nợ 01/7/2013, số tiền giải ngân 110.000.000đ, số tiền lãi trong hạn là 1.639.306đ, số ngày quá hạn là 2.662 ngày trên dư nợ gốc 110.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 176.912.083đ, đã trả 2.887.829đ, còn lại là 174.024.254đ.

+ Khế ước nhận nợ số 06, ngày giải ngân 31/01/2013, ngày đến hạn trả nợ 01/7/2013, số tiền giải ngân 380.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.663.056đ, số ngày quá hạn là 2.662 ngày trên nợ gốc còn lại là 380.000.000đ, số tiền lãi quá hạn là 611.150.833đ, đã trả 10.065.329đ, còn lại là 601.085.504đ.

+ Khế ước nhận nợ số 07, ngày giải ngân 07/02/2013, ngày đến hạn 07/8/2013, số tiền giải ngân 242.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 3.993.000đ, số ngày quá hạn là 2.655 ngày trên nợ gốc còn lại là 242.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 361.441.875đ, tiền lãi quá hạn đã trả 5.000.288đ.

+ Khế ước nhận nợ số 08, ngày giải ngân 22/02/2013, ngày đến hạn 22/7/2013, số tiền giải ngân 450.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 4.556.250đ, số ngày quá hạn là 2.641 ngày trên nợ gốc còn lại là 450.000.000 đ, tiền lãi quá hạn là 668.503.125đ, đã trả là 2.126.584đ, còn lại 666.376.536đ.

+ Khế ước nhận nợ số 09, ngày giải ngân 23/02/2013, ngày đến hạn 23/7/2013, số tiền giải ngân 260.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.752.500đ, số ngày quá hạn 2.640 ngày trên nợ gốc còn lại 260.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 386.100.000đ, đã trả 3.181.163đ, còn lại 382.198.837đ.

Trong đó: Khế ước số 04, 05, 06 lãi suất 14,5%/năm; Khế ước 07, 08, 09 lãi suất 13,5%/năm.

Như vậy tổng nợ lãi trong hạn trên số nợ gốc còn lại là 21.604.112đ; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 2.275.981.003đ, đến nay Công ty VH vẫn chưa thanh toán, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty VH phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi là 3.799.728.619đ (*Ba tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm mười chín đồng*), đề nghị tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc, nếu không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Ngày 05/01/2019, Ngân hàng BDLV có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu xử lý tài sản số BE 102716 cấp ngày 23/8/2011; số G 617644 cấp ngày 08/8/2011 và số BH 788486 ngày 05/9/2011 cho ông NHH (03 tài sản này hiện có gia đình ông NHL và gia đình bà NTA sinh sống trên đất) và đề nghị không đưa những người có liên quan đến 03 tài sản này tham gia tố tụng.

Trong 09 tài sản thế chấp ghi trong HĐTD hạn mức số 42012/166/KHDN/HĐHMTD ngày 11/9/2012, có 02 tài sản là G617372 và AE 611932 không đủ điều kiện pháp lý nên Ngân hàng không nhận tài sản đảm bảo và giữ lại 02 tài sản số G617644 và G438533 (Hai tài sản này đã được đảm bảo cho HĐTD trung hạn số 42012/166/KHDN-HDTDMON ngày 27/4/2012).

Sau khi Bị đơn có đơn đến Tòa án tố cáo về những sai phạm của cán bộ tín dụng Ngân hàng BDLV trong việc lập hồ sơ cho vay vốn như:

“Tạo tài khoản chuyển tiền không phải là khách hàng của Công ty VH, lập hợp đồng mua bán giả, dùng con dấu chữ ký để đóng vào Khế ước nhận nợ số 10 và 11, giấy ủy nhiệm chuyển tiền”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đã cung cấp cho Hội đồng xét xử toàn bộ giấy tờ có liên quan trong việc lập hồ sơ đều có chữ ký của bà LTT - Giám đốc Công ty và trong các Khế ước nhận nợ mà Ngân hàng khởi kiện đều do bà LTT nhận tiền mặt tại Quầy của Ngân hàng, còn Khế ước nhận nợ số 10 và 11 mà Bị đơn cho rằng dùng Ngân hàng dùng con dấu chữ ký của bà LTT để đóng là của HĐTD ngắn hạn số 42011/166/KHDN-HDTDMON ngày 25/8/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01PL-42011/166/KHDN/HĐTDHMH ngày 29/9/2011 đã tất toán và không khởi kiện.

**** Tại Bản tự khai ngày 15/11/2017 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà LTT - Giám đốc Công ty VH trình bày:***

Công nhận Công ty VH có vay vốn tại Ngân hàng BDLV - Chi nhánh Thanh Hóa số tiền 2 tỷ đồng và thế chấp 09 tài sản đảm bảo như Ngân hàng trình bày, đã trả được 1,2 tỷ đồng, còn lại 720.000.000đ anh NHM là nhân viên của Ngân hàng BDLV đã chuyển từ tài khoản của Công ty vào tài khoản người khác, bà không được nhận số tiền này.

Ngoài ra Công ty của bà đã trả nợ xong món nợ bảo lãnh chiếc xe ô tô mà Ngân hàng không cho rút tài sản thế chấp thứ 09 của bà Vương và 01 tài sản thế chấp của ông Hà mà tiếp tục giữ lại để đảm bảo cho HĐTD ngày 11/9/2012 là không đúng.

Trong quá trình làm việc, bà thấy Ngân hàng BDLV có nhiều sai phạm trong quá trình cho vay nên bà đã làm đơn Tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa từ năm 2015, nhưng đến nay Công an vẫn chưa trả lời đơn Tố cáo của bà.

Bà đề nghị Ngân hàng phải làm rõ khoản nợ giữa Công ty VH, sau đó mới đưa ra phương án trả nợ, khi đã thống nhất về các khoản nợ còn lại, Công ty sẽ

thanh toán trong thời gian 01 năm, nếu vi phạm thỏa thuận trả nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản bảo đảm đứng tên bà và chồng bà là NHH, về phần lãi suất bà không nhất trí với lãi suất Ngân hàng đưa ra.

Tại phiên tòa, ông NHH và Luật sư còn cho rằng ông NHM, nguyên cán bộ tín dụng của Ngân hàng BDLV đã lợi dụng việc quản lý con dấu và sơ hở của bà LTT để lập hồ sơ không chuyển tiền vào 02 tài khoản không phải là khách hàng của Công ty VH để chiếm đoạt số tiền 2.180.000.000đ, cụ thể:

+ Tại HĐTD hạn mức số 42011/166/KHDN/HĐTDHM ngày 25/8/2011, số tiền vay 800.000.000đ và Phụ lục HĐTD hạn mức số 01PL-42011/166/KHDN/HĐTDHM ngày 29/9/2011 nâng hạn mức tiền vay lên 1.000.000.000đ.

Ngày 28/12/2011 giải ngân tại khế ước số 05, chuyển vào tài khoản cá nhân tên NVH 220.000.000đ, bà LTT ký chuyển tiền.

Ngày 05/01/2012 giải ngân tại khế ước số 06, chuyển vào tài khoản cá nhân NVH số tiền 360.000.000đ, bà LTT ký chuyển tiền.

Ngày 24/02/2012 giải ngân tại khế ước số 09, chuyển vào tài khoản NVH, số tiền 80.000.000đ, bà LTT ký chuyển tiền.

Ngày 10/5/2012, giải ngân tại khế ước số 10, chuyển vào tài khoản NVH số tiền 450.000.000đ và chuyển vào tài khoản NTP số tiền 310.000.000đ, bà LTT không ký mà đóng dấu chữ ký của bà LTT.

Ngày 11/5/2012, giải ngân tại khế ước số 11, chuyển vào tài khoản NVH 160.000.000đ, bà LTT không ký mà đóng dấu chữ ký của bà LTT.

+ Tại HĐTD số 42012/166/KHDN/HĐHMTD ngày 11/9/2012, số tiền cấp hạn mức là 2.000.000.000đ, cùng ngày 11/9/2012 giải ngân tại khế ước số 01 chuyển cho NTP 600.000.000đ (không có chữ ký của Trưởng phòng kế toán ngân hàng BDLV).

Như vậy trong HĐTD hạn mức số 42012/166/KHDN/ HĐHMTD ngày 11/9/2012, ông NHM đã chuyển vào tài khoản NTP không phải là khách hàng của Công ty số tiền 600.000.000đ, số còn lại bà LTT nhận tiền mặt tại Ngân hàng. Vì vậy đề nghị Ngân hàng BDLV phải hoàn trả lại cho Công ty VH số tiền trên và lãi suất theo quy định thì Công ty sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền tạm tính theo số liệu mà Nguyên đơn khởi kiện.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LDK và bà LTN (ủy quyền cho ông K) trình bày:**

Công ty VH của chị gái ông K có vay vốn của Ngân hàng BDLV, nên ngày 26/8/2011 vợ chồng ông có cho bà LTT mượn Trích lục đất số BE 102715, do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 đứng tên vợ chồng, nhưng ông K không biết vay bao nhiêu tiền. Nếu Công ty VH không thanh toán được nợ, ông bà đồng ý xử lý tài sản đảm bảo của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 471; khoản 1, Điều 474; Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005; Án lệ số 08/2016/AL Ban hành kèm theo Quyết định công bố án lệ số 698/QĐ - CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án TAND tối cao: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV.

- Buộc Công ty TNHH dịch vụ LTT mại VH trả cho Ngân hàng LTT mại cổ phần BDLV - Chi nhánh Thanh Hóa số tiền làm tròn số là: 3.799.728.000đ (*Ba tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*), trong đó nợ gốc: 1.502.143.000đ, nợ lãi trong hạn: 21.604.000đ, nợ lãi quá hạn: 2.275.981.000đ.

- Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Án có hiệu lực pháp luật, Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty VH không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại 06 tài sản thế chấp để thu hồi vốn gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 102714 do Ủy ban huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 cho ông NHH.

2. Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 102715 do Ủy ban huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 cho ông LDK và bà NTN.

3. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 482232 do Ủy ban huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH.

4. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 482737 do Ủy ban huyện Quảng Xương cấp ngày 19/7/2011 cho ông NHH và bà LTT.

5. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 482175 do Ủy ban huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH.

6. Quyền sử dụng đất tại thôn Châu An, xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số G 438533 do Ủy ban huyện Quảng Xương cấp ngày 30/8/1995 cho bà LTV.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty VH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 42012/166/KHDN/HĐHMTD ngày 11/9/2012 và theo từng Khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 26/10/2020, Công ty VH có đơn kháng cáo với nội dung:

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ quá trình giải ngân, tất toán 02 Hợp đồng hạn mức tín dụng giữa NH BDLV với Công ty VH (HĐTD số 42011/166 ngày 25/8/2011 kèm Phụ lục số 01PL-42011/166 ngày 25/9/2021 và HĐTD số 42012/166 ngày 11/9/20212 liên quan đến việc kiện đòi số tiền 1.502.143.504đ và khoản tiền 2.180.000.000đ mà Cán bộ tín dụng đang chiếm giữ trái phép của Công ty VH;

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm thu thập Kết luận thanh tra số 37/KL-THH2 ngày 03/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước Thanh Hóa và tài liệu xác minh tin báo tố giác tội phạm của Cơ quan điều tra Công an Thanh Hóa theo đơn tố cáo của ông NHH để đánh giá lỗi của các bên;

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 20 Luật Kế toán năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của Thống đốc NH nhà nước Việt Nam buộc Ngân hàng BDLV phải bồi thường cho Công ty VH 2.180.000.000đ và lãi tương ứng; đối trừ khoản tiền 1.502.143.504đ và lãi mà Công ty VH chưa tất toán; buộc Ngân hàng Bưu điện phải thanh toán cho Công ty VH số tiền 677.856.496đ và lãi tương ứng.

Ngày 27/10/2020, ông NHH có đơn kháng cáo với nội dung:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 123 Bộ luật dân sự 2015 tuyên HĐTD hạn mức số 4202/166/KHDN/HĐHMTD ngày 11/9/2012 giữa NH Bưu điện và Công ty VH vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật (vì hành vi đảo nợ của NH Bưu điện và Công ty VH vi phạm Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 331/12/2001 và Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 01/3/2001, xâm phạm quyền lợi của bên thứ ba có tài sản thế chấp).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty VH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NHH có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm của TAND thành phố Sầm Sơn, công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP BDLV và Công ty TNHH dịch vụ thương mại

VH tại cấp phúc thẩm theo Thông báo số 71/2021/TB-HĐXLRR&XLN của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP BDLV về xử lý đối với khoản vay của Công ty Cổ phần TNHH dịch vụ thương mại VH tại Chi nhánh Thanh Hóa.

Về án phí, người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh LTT mại phúc thẩm và được sửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định (có Bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP BDLV với Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH trên cơ sở hai bên đều có mục đích lợi nhuận, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền (khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự). Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NHH kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung thỏa thuận giữa các bên tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng:

Theo Bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/10/2020) là: 3.799.728.000đ (*Ba tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là: 1.502.143.000đ, nợ lãi trong hạn là: 21.604.000đ, nợ lãi quá hạn là: 2.275.981.000đ.

Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn là Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NHH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 09/4/2021, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP BDLV đã có văn bản số 71/2021/TB-HĐXLRR&XLN về việc Thông báo phương án xử lý đối với khoản vay của Công ty Cổ phần TNHH dịch vụ thương mại VH tại Chi nhánh Thanh Hóa, cụ thể:

Ngân hàng TMCP BDLV đồng ý miễn cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH số nợ lãi tính đến ngày 20/9/2021 là: 2.132.316.132đ (Bao gồm: Miễn một phần lãi áp dụng 100% lãi suất là: 1.238.220.617đ; miễn một phần lãi áp dụng 50% lãi suất là: 857.236.501đ; miễn phần lãi phạt lãi là: 36.859.014đ), với điều kiện:

Chậm nhất đến ngày 20/9/2021, Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH phải nộp đủ số tiền 2.000.000.000đ để trả nợ, nếu không thì việc miễn giảm lãi

nêu trên không còn hiệu lực, Ngân hàng sẽ không miễn giảm lãi và yêu cầu kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Nhận thấy Phương án xử lý nợ của Ngân hàng TMCP BDLV đối với Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH là hoàn toàn tự nguyện, nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho khách hàng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, về phía bị đơn là Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NHH cũng đồng ý rút đơn kháng cáo và thống nhất với Phương án giải quyết nêu trên, do đó Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận sự thỏa thuận của các bên và sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH và ông NHH rút đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên vẫn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; khoản 1, Điều 474; Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL Ban hành kèm theo Quyết định công bố án lệ số 698/QĐ - CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- Tính đến ngày xét xử phúc thẩm (22/4/2021), Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH còn nợ của Ngân hàng TMCP BDLV số tiền gốc là: **1.502.143.000đ**, tiền lãi trong hạn là **21.604.112đ**, tiền lãi quá hạn là: **2.441.527.747đ**, tổng cộng: **3.965.275.363đ** (Ba tỷ chín trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng).

- Ngân hàng TMCP BDLV đồng ý cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH trả số nợ gốc và lãi là **2.000.000đ** và miễn cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH số nợ lãi tính đến ngày 20/9/2021 là: **2.132.316.132đ** (Hai tỷ một trăm ba mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn một trăm ba mươi hai đồng) với điều kiện:

Chậm nhất ngày 20/9/2021, Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH phải nộp đủ số tiền nợ gốc là **1.502.143.000đ** và nợ lãi là **497.857.000đ**, tổng cộng: **2.000.000.000đ** (Hai tỷ đồng) để trả nợ cho Ngân hàng TMCP BDLV.

Nếu đến ngày 20/9/2021, Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH không nộp được số tiền **2.000.000.000đ** thì việc miễn giảm lãi không còn hiệu lực, Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH sẽ phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP BDLV tính đến ngày 20/9/2021 là: **4.132.316.132đ** (Bốn tỷ một trăm ba mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn một trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bên có quyền yêu cầu có đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông Trung, bà Nguyệt không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Trường hợp Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH không trả nợ, hoặc trả không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án, bao gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 102714, do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 cho ông NHH.

2.2. Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 102715 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 18/8/2011 cho ông LDK và bà NTN.

2.3. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 482232 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH.

2.4. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 482737 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 19/7/2011 cho ông NHH và bà LTT.

2.5. Quyền sử dụng đất tại xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số BG 482175 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 08/8/2011 cho ông NHH.

2.6. Quyền sử dụng đất tại thôn Châu An, xã QC, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số G438533 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 30/8/1995 cho bà LTV.

3. Trường hợp Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH giao nộp đầy đủ số tiền **2.000.000.000đ** để trả nợ đúng thời hạn, Ngân hàng TMCP BDLV- Chi nhánh Thanh Hóa có trách nhiệm hạch toán thu nợ và xuất kho giải chấp các tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm d, tiểu mục 1.4, mục II phần A, Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

4.1. Công ty TNHH VH phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là **36.000.000đ** (Ba mươi sáu triệu đồng).

4.2. Công ty TNHH dịch vụ thương mại VH và ông NHH mỗi người phải nộp **2.000.000đ** án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0004149 ngày 28/10/2020 và Biên lai thu số AA/2019/0004014 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng TCTTr&TĐKT TAND T.Hóa;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- TAND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP.Sầm Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh